



Phụ lục số 24. Mẫu thông báo về giá trị tài sản ròng của Quỹ
Appendix 24. Disclosure of information about Net Asset Value of the Fund

(Ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)
 (Issued in association with Circular 183/2011/TT-BTC guiding establishment and management of the Open-Ended Fund)

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ
NET ASSET VALUE OF THE FUND

Ngày 15 tháng 11 năm 2016 / As at 15 Nov 2016

Tên công ty quản lý quỹ/ Management Fund Company name:

Tên ngân hàng giám sát / Supervising bank:

Tên Quỹ/ Fund name:

Ngày định giá/Valuation date:

Ngày giao dịch/ Dealing date:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB/ MB Capital Management Joint Stock Company

Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) / Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.

Quỹ đầu tư trái phiếu MB Capital Việt Nam/ MB Capital Vietnam Bond Fund

16/11/2016

16/11/2016

Tên Quỹ Mở Fund Name	Phí phát hành (% giá trị giao dịch)/ Subscription Fee (% of transaction amount)	Phí mua lại (% giá trị giao dịch)/ Redemption Fee (% of transaction amount)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá/ NAV per unit at Valuation Date	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước/ NAV per unit last Valuation Date	Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)/ Change in NAV per unit compared to last Valuation Date (%)	Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm/ Change in NAV per unit in 1- year		Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN Foreign Investors' Ownership Ratio		
						Mức cao nhất (VND) Highest level (VND)	Mức thấp nhất (VND) Lowest level (VND)	Số lượng đơn vị quỹ/ Number of fund unit	Tổng giá trị tại ngày giao dịch/ Total value on dealing date	Tỷ lệ sở hữu Ownership Ratio
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Quỹ đầu tư trái phiếu MB Capital Việt Nam MB Capital Vietnam Bond Fund	0%-0.5% (*)	0%-1% (*)	13,355	13,329	0.20%	13,355.00	12,399.00	4,396,597.12	58,716,554,538	84.93%

Ghi chú / Notes:

(*) Phí phát hành được áp dụng như sau/ Details of subscription fee as below:

Tổng giá trị đăng ký mua CCQ (VND)/ Total Subscription Amount
(VND)

Từ 10 triệu đến dưới 5 tỷ đồng/ From VND 10 million to under 5 billion: 0.5%

Từ 5 tỷ đồng trở lên / From VND 5 billion upwards: 0%

(*) Phí mua lại được áp dụng như sau/ Details of redemption fee as below:

Thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)/ Days of holding

Dưới 03 tháng / Under 03 months: 1.0%

Từ 03 tháng trở lên / From 03 months upwards: 0%